

Số: 939/QĐ-DAB-KDNV

Tp.HCM, ngày 11 tháng 05 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh lãi suất huy động Tiết kiệm bằng VND


TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG Á

- Căn cứ tờ trình số 145/TT-KDNV ngày 10/05/2022 về việc điều chỉnh lãi suất huy động VND của Ngân hàng Đông Á;
- Căn cứ tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1:** Điều chỉnh khung lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND theo bảng đính kèm.**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 / 05 /2022 thay thế cho Quyết định số 733/QĐ-DAB-KDNV ban hành ngày 08/04/2022.**Điều 3:** Lãnh đạo các Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này. /.**Nơi nhận:**

- Toàn hệ thống;
- Lưu: Văn phòng.

**Nguyễn Thanh Tùng**


SẢN PHẨM HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TIẾT KIỆM BẰNG VND
 (Đính kèm quyết định số: 939/QĐ-DAB-KDNV ngày 11/05/2022)

1. **Tên sản phẩm:** TIỀN GỬI TIẾT KIỆM BẰNG VND
2. **Thời gian và địa điểm áp dụng**
 - Thời gian áp dụng: kể từ ngày 12/05/2022 cho đến khi có quyết định thay thế khác.
 - Địa điểm triển khai: toàn hệ thống Ngân hàng Đông Á.
3. **Đối tượng tham gia chương trình:**
 Cá nhân là người Việt Nam đang sinh sống và hoạt động tại Việt Nam có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo pháp luật Việt Nam.
4. **Loại tiền gửi:** VND
5. **Bảng lãi suất Tiết kiệm bằng VND**

Đvt:%/năm

Kỳ hạn	Mức lãi suất theo khung 360 ngày/ năm (*)			Mức lãi suất theo khung 365 ngày/ năm		
	Kỳ trả lãi			Kỳ trả lãi		
	Hàng Tháng	Hàng Quý	Cuối kỳ	Hàng Tháng	Hàng Quý	Cuối kỳ
Không kỳ hạn			0,20%			0,20%
1 Tuần			0,20%			0,20%
2 Tuần			0,20%			0,20%
3 Tuần			0,20%			0,20%
1 tháng			3,65%			3,70%
2 tháng	3,64%		3,65%	3,69%		3,70%
3 tháng	3,64%		3,65%	3,69%		3,70%
4 tháng	3,63%		3,65%	3,68%		3,70%
5 tháng	3,63%		3,65%	3,68%		3,70%
6 tháng	5,46%	5,49%	5,52%	5,54%	5,56%	5,60%
7 tháng	5,45%		5,52%	5,52%		5,60%
8 tháng	5,44%		5,52%	5,51%		5,60%
9 tháng	5,52%	5,54%	5,62%	5,59%	5,62%	5,70%
10 tháng	5,51%		5,62%	5,58%		5,70%
11 tháng	5,49%		5,62%	5,57%		5,70%
12 tháng	5,95%	5,98%	6,12%	6,03%	6,06%	6,20%
13 tháng	6,31%		6,51%	6,39%		6,60%
18 tháng	6,14%	6,17%	6,41%	6,22%	6,25%	6,50%
24 tháng	6,05%	6,08%	6,41%	6,13%	6,16%	6,50%
36 tháng	5,88%	5,91%	6,41%	5,95%	5,98%	6,50%

(*) Mức lãi suất theo khung một năm là 360 ngày được quy đổi tương đương theo công thức: (lãi suất theo khung một năm là 365 ngày/365)*360.

6. Biên độ cộng

6.1. Biên độ cộng theo số tiền gửi

– Đối với kỳ hạn **13 tháng lãi cuối kỳ**:

Số tiền gửi	Biên độ (%/năm)
Từ 10 triệu đồng đến nhỏ hơn 100 triệu đồng	0,13
Từ 100 triệu đồng đến nhỏ hơn 500 triệu đồng	0,15
Từ 500 triệu đồng đến nhỏ hơn 1 tỷ đồng	0,17
Từ 1 tỷ đến nhỏ hơn 500 tỷ	0,19
Từ 500 tỷ trở lên	0,50

– Đối với các kỳ hạn **từ 1 tháng trở lên lãi cuối kỳ còn lại**:

Số tiền gửi	Biên độ (%/năm)
Từ 10 triệu đồng đến nhỏ hơn 100 triệu đồng	0,13
Từ 100 triệu đồng đến nhỏ hơn 500 triệu đồng	0,15
Từ 500 triệu đồng đến nhỏ hơn 1 tỷ đồng	0,17
Từ 1 tỷ trở lên	0,19

6.2. Ưu đãi tái tục

Khách hàng đã gửi sản phẩm tiết kiệm bằng VND có kỳ hạn **từ 12 tháng trở lên lãi cuối kỳ đáo hạn**, tiếp tục gửi lại sản phẩm tiết kiệm bằng VND có kỳ hạn gửi **từ 12 tháng trở lên lãi cuối kỳ** sẽ được nhận thêm lãi suất thưởng là **0,04%/năm**.

6.3. Biên độ cộng dựa trên Bảng lãi suất tại mục 5 Quyết định này.

6.4. Lãi suất huy động tối đa (bao gồm lãi suất sản phẩm + lãi suất biên độ + lãi suất cộng thêm cho ưu đãi tái tục) không vượt quá trần lãi suất huy động do Ngân hàng Nhà nước ban hành từng thời kỳ.

7. Quy định rút vốn trước hạn

Khách hàng rút tiết kiệm trước hạn sẽ áp dụng quy định rút tiết kiệm trước hạn hiện hành của ngân hàng Đông Á.

8. Quy định khác:

Thực hiện theo Quy định tiền gửi tiết kiệm hiện hành và các quy định khác của Ngân hàng Đông Á.

